

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2023

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Thành Công**

2. Bà **Huỳnh Thị Phụng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 430/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Nguyễn Khánh A**, sinh năm xxxx. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** **Trương Văn C**, sinh năm xxxx. (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 28/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Khánh A** trình bày:

- Về hôn nhân: Do mai mối, chị và anh C tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế. Sau khi chị sinh con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị nhiều lần đem con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và lần gần đây nhất cách nay khoảng 3 tháng. anh C không phụ tiền cùng chị nuôi con, thường xuyên lui tới nhà người yêu cũ trong thời gian vợ chồng ly thân và trong lúc cự cãi anh C còn xúc phạm chị, cho rằng đứa bé không phải con của anh C. Hiện vợ chồng chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh C chung sống có 01 con chung tên Trương Quốc H, sinh ngày xxxx hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn C trình bày:*

Anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con rất nhiều. Anh thừa nhận trong cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn như chị A trình bày. Tuy nhiên anh biết đều là lỗi do anh nên anh tha thiết được hàn gắn tình cảm. Nếu vợ chồng anh ly hôn thì anh đồng ý giao con chung là cháu Trương Quốc H cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Khánh A, chị A được ly hôn với anh Trương Văn C. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trương Quốc H, sinh ngày xxxx cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng; Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, lao động được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị A, nhận thấy:

Vợ chồng chị kết hôn năm 2021, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày xxxx nên là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và kinh tế, anh chị hiện đã sống ly thân. Anh C nhận lỗi do anh và tha thiết hàn gắn tình cảm với chị A nhưng đến nay anh vẫn không tìm được giải pháp hàn gắn; trong khi chị A kiên quyết xin được ly hôn. Từ những tình tiết nêu trên thể hiện anh chị không thật sự mong muốn hàn gắn cũng như không còn muốn duy trì cuộc hôn nhân này nên cần chấp nhận yêu cầu của

chị A, cho chị được ly hôn với anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 01 người con chung tên Trương Quốc H, sinh ngày xxxx. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị A là có cơ sở chấp nhận; vì hiện cháu mới hơn 01 tuổi rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ; hơn nữa anh C cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh C không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng nên ghi nhận. Thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, lao động được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị A yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Khánh A, cho chị A được ly hôn với anh Trương Văn C.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung tên Trương Quốc H, sinh ngày xxxx cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Ghi nhận anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

5.000.000 đồng; thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, lao động được.

- Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

- Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028220 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

- Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAD tỉnh TG;
- VKSND Huyện G;
- CC.THADS Huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Bích Thiên

